

Số: /HD-UBND

Phú Yên, ngày tháng năm 2022

HƯỚNG DẪN

Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách Dự án 1, Dự án 2, Tiểu dự án 1 của Dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách Dự án 1, Dự án 2 và Tiểu dự án 1 của Dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Chương trình*), một số nội dung như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách Dự án 1, Dự án 2 và Tiểu dự án 1 của Dự án 9 thuộc Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Quy định thứ tự đối tượng ưu tiên

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn;

- Hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không có khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động;
- Đối tượng thuộc nhóm bị ảnh hưởng bởi thiên tai;
- Hộ nghèo sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn;
- Các đối tượng còn lại theo quy định.

2.2. Đối tượng thụ hưởng các chính sách cụ thể

2.2.1. Đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán của Dự án 1 (theo quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 8 và Điều 10, Chương II, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2012 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc):

a) Đối tượng hỗ trợ đất ở:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số (viết tắt là DTTS) nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS&MN); hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn (viết tắt là ĐBK), thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.
- Không hỗ trợ đất ở đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất ở từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng.

b) Đối tượng hỗ trợ nhà ở:

- Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng.
- Hộ được hỗ trợ đất ở thì được đồng thời xem xét hỗ trợ nhà ở.

c) Đối tượng hỗ trợ đất sản xuất:

- Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được chính quyền địa phương xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.
- Không hỗ trợ đất sản xuất đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất sản xuất từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng.

d) Đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề:

Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của từng địa phương, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề, để mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh khác.

e) Đối tượng hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán:

Hộ DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.

2.2.2. Đối tượng được bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết của Dự án 2 (theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều 13, Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc):

Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào DTTS còn du canh, du cư.
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn ĐBK.
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn ĐBK, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư.
- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.
- Xã, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN.

2.2.3. Đối tượng hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế của Tiểu dự án 1 của Dự án 9 (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 55 Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc):

Hộ nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

II. QUY TRÌNH RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH

1. Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán của Dự án 1

a) Bước 1: Tổ chức rà soát, lập danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách

- Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn (viết tắt là cấp xã) xác định phạm vi, đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định, chỉ đạo trưởng các thôn, buôn, khu phố (viết tắt là thôn) thông báo về nội dung chính sách, tổ chức rà soát, tổng hợp và phân loại, lập danh sách đối tượng có nhu cầu đăng ký thụ hưởng chính sách theo từng nội dung hỗ trợ: nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán theo Phụ lục 1B.

b) Bước 2: Tổ chức họp thôn để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần họp thôn: Trưởng thôn (chủ trì cuộc họp) tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện lãnh đạo và cán bộ chuyên môn thuộc Ủy ban nhân

dân cấp xã; đại diện cấp ủy Chi bộ, các tổ chức đoàn thể của thôn; các hộ gia đình trong thôn (có sự tham gia ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn); mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung: Lấy ý kiến về kết quả rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo từng nội dung hỗ trợ: nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán (có sự thống nhất của trên 50% tổng số người tham dự cuộc họp).

Trường hợp ý kiến thống nhất từ 50% trở xuống thì thực hiện rà soát lại theo Bước 1 và Bước 2 nêu trên.

- Trưởng thôn lập hồ sơ kết quả cuộc họp thành 02 bộ (gồm: Biên bản họp thôn theo Phụ lục 1A và Danh sách các hộ thụ hưởng chính sách theo Phụ lục 1C), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, cấp ủy, đoàn thể và một số hộ dân (01 bộ do Trưởng thôn lưu, 01 bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã).

c) Bước 3: Niêm yết, thông báo công khai

- Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, kiểm tra quy trình bình xét ở thôn, niêm yết công khai kết quả rà soát danh sách hộ thụ hưởng chính sách tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có). Thời gian thực hiện 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Phụ lục 1C.

d) Bước 4: Báo cáo, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Dân tộc hoặc Cơ quan phụ trách công tác dân tộc cấp huyện) về kết quả rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách.

Hồ sơ 01 bộ, gồm: Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo danh sách các hộ thụ hưởng chính sách cụ thể từng nội dung theo Phụ lục 1C.

- Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng có liên quan của huyện tổng hợp, kiểm tra/thẩm định nhu cầu của các xã, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định. Trường hợp kết quả rà soát danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách của Ủy ban nhân dân cấp xã chưa đảm bảo theo yêu cầu thì đề nghị cấp xã tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện hoặc tiến hành lại các bước đảm bảo theo yêu cầu.

đ) Bước 5: UBND huyện báo cáo kết quả phê duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách về Ban Dân tộc và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng được bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết của Dự án 2

Thực hiện Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng được bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết của Dự án 2 theo 5 bước tại Khoản 1, Mục II Hướng dẫn này (kèm theo các Phụ lục 2A, 2B, 2C).

3. Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế của Tiểu dự án 1, Dự án 9

Thực hiện Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế của Tiểu dự án 1, Dự án 9 theo 5 bước tại Khoản 1, Mục II Hướng dẫn này (kèm theo các Phụ lục 3A, 3B, 3C).

III. THỜI GIAN RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH

1. Thời gian rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1 của Dự án 9

- Năm 2022: Thực hiện hoàn thành trước ngày 15/11/2022.
- Từ năm 2023-2025: Hằng năm, thực hiện hoàn thành trước ngày 28/02 của năm kế hoạch.

2. Thời gian rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thuộc Dự án 2: Theo tiến độ thực hiện dự án được phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa, Phú Hòa

Căn cứ các nội dung hướng dẫn này có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách thuộc Chương trình đúng theo quy định.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Trên cơ sở danh sách được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Chủ nhiệm, Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc, Hướng dẫn số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản có liên quan; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Ban Dân tộc*) theo quy định.

3. Ban Dân tộc

Giao Ban Dân tộc chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nội dung hướng dẫn này; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc theo quy định.

Các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTTU;
- TTHĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh (p/h);
- Các Sở, ban, ngành;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các huyện: Sông Hình, Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa, Phú Hòa;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX (Lệ₁₃).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ